| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 05 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Đoàn Thị Sim

Ông Trần Văn Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 625/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Hạnh P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông  Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1995 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Ông Phúc trình B:*

Ông có làm chủ hụi các dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 15/9/2018 âm lịch, loại 500.000 đồng, hụi khui 01 tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, có 55 phần hụi, ông Ú, bà M tham gia 01 phần, đứng tên hụi viên Sâm Mây (Ú), tại số tự 12. Đến ngày 15/12/2018 âm lịch thì ông Ú, bà M trúng thăm hốt hụi và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 20.410.000 đồng. Sau đó, ông Ú, bà M có đóng lại hụi chết đến ngày 30/7/2020 âm lịch, tính từ ngày 15/8/2020 âm lịch cho ngày

30/11/2020 âm lịch (ngày mãn hụi) thì ông Ú, bà M còn nợ ông 08 lần hụi chết số tiền là 4.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 10/6/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi khui 01 tháng 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, có 34 phần hụi, ông Ú, bà M tham gia 01 phần, đứng tên hụi viên M, tại số tự 02, đến ngày 25/6/2019 âm lịch thì ông Ú, bà M trúng thăm hốt hụi và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 25.875.000 đồng. Sau đó ông Ú, bà M có đóng lại hụi chết đến ngày 10/8/2020 âm lịch, tính từ ngày 25/8/2020 âm lịch đến ngày 25/10/2020 âm lịch (ngày mãn hụi) thì ông Ú, bà M còn nợ ông 05 lần hụi chết số tiền là 5.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Mở ngày 10/9/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi khui 01 tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, có 44 phần hụi, ông Ú, bà M tham gia 01 phần, đứng tên hụi viên M, tại số tự 02, đến ngày 10/4/2020 âm lịch, thì ông Ú và bà M trúng thăm hốt hụi và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 29.700.000 đồng. Sau đó ông Ú, bà M có đóng lại hụi chết đến ngày 10/7/2020 âm lịch, tính từ ngày 10/8/2020 âm lịch đến ngày 10/8/2023 âm lịch (ngày mãn hụi) thì ông Ú, bà M còn nợ ông 32 lần hụi chết số tiền 32.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Mở ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, hụi khui 01 tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, có 42 phần hụi, ông Ú, bà M tham gia 01 phần hụi, đứng tên hụi viên M, tại số tự 02, đến ngày 15/02/2020 âm lịch thì ông Ú, bà M trúng thăm hốt hụi và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 16.860.000 đồng. Sau đó ông Ú, bà M có đóng lại hụi chết đến ngày 30/7/2020 âm lịch, tính từ ngày 15/8/2020 âm lịch đến ngày 15/6/2022 âm lịch (ngày mãn hụi) thì ông Ú, bà M còn nợ ông 30 lần hụi chết số tiền 15.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Mở ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi khui 01 tháng 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, có 38 phần hụi, ông Ú, bà M tham gia 02 phần, đứng tên hụi viên M, tại số tự 12 và 13, đến ngày 30/11/2020 âm lịch thì ông Ú, bà M trúng thăm hốt 01 hụi và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 29.540.000 đồng, đến ngày 30/5/2021 âm lịch thì ông Ú, bà M trúng thăm hốt chưng hụi còn lại và ông đã chung đủ tiền lĩnh hụi cho ông Ú, bà M là 30.900.000 đồng. Sau đó ông Ú, bà M có đóng lại hụi chết của 02 phần hụi này đến ngày 30/7/2020 âm lịch, tính từ ngày 30/8/2020 âm lịch cho ngày 30/7/2023 âm lịch (ngày mãn hụi) thì ông Ú, bà M còn nợ ông 3 lần với số tiền 62.000.000 đồng.

Tổng cộng 06 phần hụi nêu trên, ông Ú, bà M nợ ông số tiền 118.000.000 đồng.

Quá trình đóng hụi chết thì ông Ú, bà M còn nợ ông số tiền 3.200.000 đồng, tổng cộng ông Ú, bà M nợ ông 121.200.000 đồng. Đã qua, ông Ú, bà M có trả cho ông 9.200.000 đồng, sau khi khởi kiện có trả thêm 500.000 đồng, qua đối trừ, ông Ú, bà M còn nợ ông 111.500.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Ú và bà M liên đới nghĩa vụ trả đủ cho ông số tiền 111.500.000 đồng.

*Bị đơn bà M trình bày:*

Bà có tham gia 05 dây hụi do ông P làm chủ hụi gồm:

Hụi mở ngày 15/9/2018 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, bà tham gia 01 chưng tại số thứ tự 12 ghi tên Sâm M1 (tên thường gọi của chồng bà).

Hụi mở ngày 16/6/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, có 34 chưng, bà tham gia 01 chưng tại số thứ tự 02 ghi tên M.

Hụi mở ngày 10/9/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, có 44 chưng, bà tham gia 01 chưng tại số thứ tự 02 ghi tên M.

Hụi mở ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, có 42 chưng, bà tham gia 01 chưng tại số thứ tự 02 ghi tên M.

Hụi mở ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, có 38 chưng, bà tham gia 02 chưng tại số thứ tự 12, 13 ghi tên M.

Bà đã hốt hết số hụi đã tham gia và nhận đủ tiền do chủ hụi giao, do điều kiện kinh tế, bà đóng hụi không đầy đủ và còn nợ 111.500.000 đồng, bà thống nhất cùng chồng bà trả số tiền nêu trên, tuy nhiên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ do không có điều kiện để trả một lần.

Đối với ông Ú không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Việc bị đơn tham gia 06 chưng hụi ở 05 dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi là có xảy ra trên thực tế được ông P, bà M thừa nhận, phù hợp với các danh sách hụi viên, quá trình tham gia hụi bị đơn đã hốt toàn bộ 06 chưng hụi và còn nợ lại tiền hụi chết chưa đóng là 111.500.000 đồng.

Bà M thống nhất số tiền còn nợ nêu trên và đồng ý cùng ông Ú trả nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý việc trả dần. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện nay các dây hụi này đều đã mãn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ là có căn cứ được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ú không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 111.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 5.575.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hạnh P. Buộc bà Nguyễn Thị Diễm M và ông Nguyễn Văn Ú có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lâm Hạnh P số tiền 111.500.000 đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông P không phải chịu, hoàn trả lại cho ông P 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003613 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Bà Nguyễn Thị Diễm M và ông Nguyễn Văn Ú phải chịu 5.575.000 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**